

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/DS-ST
Ngày: 26-6-2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nhơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan.
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thành Long, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: 300 T, tổ 11, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H; địa chỉ: thôn 5, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Bà D có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông T và bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D:

Ngày 17-7-2019, bà cho ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H vay 94.000.000 đồng, lãi suất được hai bên thỏa thuận riêng và không ghi vào giấy vay tiền là 1,5%/tháng, thời hạn trả tiền là 20 ngày kể từ ngày vay tiền, hạn chót là ngày 07-8-2019. Khi vay tiền của bà, ông T, bà H thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặc dù đã quá thời hạn trả nợ rất lâu và bà đã rất nhiều lần liên hệ yêu cầu ông T, bà H trả nợ nhưng đến nay ông T, bà H vẫn không trả nợ cho bà. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà H phải trả cho bà tiền gốc 94.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật với mức lãi suất 1,5%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 17-7-2019 đến ngày xét xử là: 346 ngày x

1,5%/tháng x 94.000.000 đồng = 16.039.232 đồng. Tổng cộng cả tiền gốc và lãi là 110.039.232 đồng. Sau khi ông T, bà H trả xong toàn bộ số tiền này cho bà thì bà sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà H.

2. Tại Bản tự khai ngày 20-4-2020, bị đơn bà Hoàng Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng, ông bà đã nhận được các văn bản tố tụng về việc Tòa án thụ lý vụ án theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D. Tuy nhiên do ông T đang phải đi làm xa, chỉ thỉnh thoảng mới về nên không đến Tòa án làm việc được. Bà đã thông báo cho ông T về nội dung các văn bản Tòa án đã tổng đạt cho ông bà và ông T đã biết việc bà D khởi kiện ông bà. Bà đồng ý với nội dung khởi kiện của bà D, cụ thể vào ngày 17-7-2019, bà và ông T có vay của bà D 94.000.000 đồng, lãi suất do hai bên thỏa thuận bên ngoài và không ghi vào giấy vay tiền là 1,5%/tháng, thời hạn trả tiền là 20 ngày kể từ ngày vay tiền. Khi vay tiền của bà D, ông T và bà thế chấp cho bà D 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng hai bên không lập hợp đồng thế chấp theo quy định của pháp luật, chỉ thỏa thuận ghi vào giấy mượn tiền và ông bà giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D để làm tin. Do công việc làm ăn khó khăn nên đến nay bà và ông T không trả được tiền gốc và lãi cho bà D. Bà đồng ý trả cho bà D tiền gốc 94.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 17-7-2019 đến thời điểm giải quyết xong vụ án. Tuy nhiên bà mong bà D cho bà và ông T thời hạn từ 02 đến 03 tháng để ông bà thu xếp bán đất trả nợ cho bà D.

3. Bị đơn ông Nguyễn Văn T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

4. Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Hoàng Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T, bà H theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị H thừa nhận yêu cầu khởi kiện và nội dung của chứng cứ là “Giấy mượn tiền” đề ngày 17-7-2019 do bà Nguyễn Thị D giao nộp cho Tòa án. Ông Nguyễn Văn T mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng thông qua bà Hải nhưng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do bà D giao nộp cho

Tòa án. Vì vậy, căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định việc bà Nguyễn Thị D cho bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Văn T vay 94.000.000 đồng theo “Giấy mượn tiền” đề ngày 17-7-2019 là có thật.

[4] Nội dung thỏa thuận giữa bà D và ông T, bà H về mức lãi suất, phương thức và thời hạn trả nợ không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phát sinh hiệu lực. Đây là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và có lãi, hết thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền nhưng ông T, bà H không trả tiền gốc và tiền lãi cho bà D, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản. Bà D khởi kiện yêu cầu ông T, bà H phải trả tiền gốc và tiền lãi là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Bà D đề nghị ông T, bà H trả tiền lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng, tương đương 18%/năm, thời gian tính lãi từ ngày từ ngày 17-7-2019 đến ngày xét xử 26-6-2020. Mức lãi suất và thời gian tính lãi theo yêu cầu của bà D phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi ông T, bà H phải trả cho bà D là: 94.000.000 đồng x 18%/năm x 346 ngày = 16.039.232 đồng (làm tròn số).

[6] Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi ông T, bà H phải trả cho bà D là: 94.000.000 đồng + 16.039.232 đồng = 110.039.232 đồng.

[7] Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông T, bà H thế chấp cho bà D khi vay tiền và được hai bên thừa nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T, bà H không yêu cầu bà D phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà D cũng không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền khởi kiện để được Tòa án có thẩm quyền thụ lý, giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[8] Yêu cầu khởi kiện của bà D được chấp nhận nên ông T, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 110.039.232 đồng x 5% = 5.501.962 đồng (làm tròn số). Bà D không phải chịu án phí sơ thẩm nên được hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị D 110.039.232 đồng (một trăm mười triệu không trăm ba mươi chín nghìn hai trăm ba mươi hai đồng), gồm: tiền gốc 94.000.000 đồng, tiền lãi 16.039.232 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.501.962 đồng (năm triệu năm trăm lẻ một nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị D toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005895 ngày 12-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ia Grai;
- CCTHADS huyện Ia Grai;
- Lưu: HSVA, VT-LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Thành Nhơn